

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thượng

2. Ông Trần Việt Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phùng Thị L**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp 6, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp 4, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị L trình bày:*

Chị và anh T sống chung với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Việc sống chung là tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Anh T bị kết án và phải chấp hành án tại trại giam thuộc tỉnh Bình Phước. Nay, về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 15 tháng 8 năm 2020, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Chị L trình bày về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng, anh không có ý kiến trình bày bổ sung. Nay, chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về nuôi con chung: Anh và chị L không có con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phùng Thị L là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị L và anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: chị Phùng Thị L và anh Nguyễn Văn T không có con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị Phùng Thị L và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Phùng Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phùng Thị L là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản

1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị L và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, Giấy đăng ký kết hôn số 102/2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn do điều kiện kinh tế gia đình, bất đồng về quan điểm sống, anh chị hiện tại đã sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng. Nay, chị L yêu cầu ly hôn với anh T và anh T đồng ý ly hôn với chị L. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị L, anh T không có con chung. Nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Phùng Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Phùng Thị L và anh Nguyễn Văn T không có con chung, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận chị Phùng Thị L và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000941 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị L và anh Nguyễn Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Thị Xuân Lan**